

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Niêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hiếu Đạo.

2. Ông Lê Văn Qui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Ngọc H, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trịnh Ngọc H trình bày: Năm 1998 ông với bà Nguyễn Thị P có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng dần về sau bắt đầu xảy ra mâu thuẫn ngày càng gay gắt do không hòa hợp. Đến năm 2016 vợ chồng xảy ra nhiều vấn đề hơn và đến nay thì không thể tiếp tục chung sống được nữa. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: Ông và bà P có 01 người con tên Trịnh Minh T (Giới tính: Nam), sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: có, nhưng tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản ngày 15/4/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà với ông H tổ chức lễ cưới năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi lúc có cự cãi nhưng không lớn. Nay ông H yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì bà muốn vợ chồng chung sống để con bà có tinh thần học tập.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Minh T (Giới tính: Nam), sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: có, nhưng không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện sức khỏe bà xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết sau này của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông H và bà P là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết, về nợ chung đương sự xác định không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị P có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông H, bà P được gia đình tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ năm 1997. Trong thời gian chung sống ông bà có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Do cuộc sống hôn nhân của ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Trịnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị P không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên quan hệ hôn nhân của ông H, bà P không có giá trị pháp lý.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ...*” và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà*

không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... ”. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không công nhận ông Trịnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị P là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Trịnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung tên Trịnh Minh T (Giới tính: Nam), sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận; về nợ chung: các đương sự đều xác định không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Trịnh Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trịnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị P là vợ chồng.
2. Về con chung: Không xem xét.
3. Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận; về nợ chung: các đương sự đều xác định không có, nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trịnh Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005246, ngày 17 tháng 3 năm 2021 ông H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Lưu.

Trần Ngọc Niềm